

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 19-01-2023  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Vân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Phạm Công Hạ

Ông Hoàng Đức Hân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn CQ, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Đức CH, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn CQ, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng; Hiện đang chấp hành án tại Đội 30, phân trại K3 thuộc Trại giam Xuân Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2022 cùng các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh Lê Đức CH kết hôn với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 07 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh CH mãi chơi, nghiện ma túy và đã vi phạm pháp luật dẫn đến phải đi chấp hành án hình phạt tù trong Trại giam. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài được nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh CH theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị L trình bày chị và anh CH có 02 con chung tên là Lê Thị L Lam sinh ngày 05 tháng 10 năm 2012 và Lê Thị Bảo An sinh ngày 15 tháng 11 năm 2015. Khi ly hôn, chị L mong muốn được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Đức CH là bị đơn trong vụ án, trong quá trình giải quyết vụ án anh có những quan điểm trình bày như sau: Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị L lấy nhau từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã LK. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 01 năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh vi phạm pháp luật hình sự và đi chấp hành cải tạo tại Trại giam. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị L Lam sinh năm 2012 và Lê Thị Bảo An sinh năm 2015 hiện đang do chị L trực tiếp nuôi. Hiện tại anh đang phải chấp hành án nên anh đồng ý để chị L tiếp tục được nuôi cả 02 con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh trình bày để hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng thể hiện: Chị L và anh Lê Đức CH cư trú tại thôn CQ, xã LK. Năm 2014 chị L và anh CH kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn số 57 ngày 07 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sinh sống tại thôn CQ, xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, anh CH đã mắc nghiện ma túy và vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án phạt tù trong trại giam. Nay chị L xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Về con chung: Chị L và anh CH có 02 con chung tên là Lê Thị L Lam sinh năm 2012 và Lê Thị Bảo An sinh năm 2015 hiện đang ở cùng với chị L. Về tài sản chung của vợ chồng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn chấp hành đúng pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đức CH; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Lê Thị L Lam sinh ngày 05 tháng 10 năm 2012 và Lê Thị Bảo An sinh ngày 15 tháng 11 năm 2015 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án;

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đức CH đã được xác lập là hợp pháp theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 07 tháng 7 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, lối sống, anh CH mãi chơi, mắc nghiện ma túy, đã có hành vi vi phạm pháp luật hình sự và hiện đang cải tạo tại Trại giam dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được và không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh CH.

[3]. Về con chung: Chị L và anh CH có 02 con chung tên là Lê Thị L Lam sinh ngày 05 tháng 10 năm 2012 và Lê Thị Bảo An sinh ngày 15 tháng 11 năm 2015. Khi ly hôn, Chị L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con

chung. Xét thấy, chị L có đầy đủ điều kiện, khả năng, thời gian, có thu nhập ổn định, có nơi cư trú rõ ràng để đảm bảo cho việc nuôi con chung tốt về mọi mặt và trong thời gian ly thân chị vẫn nuôi các con chung ổn định, đảm bảo tốt về quyền, lợi ích cho các con chung. Mặt khác các con chung đều có nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ khi ly hôn. Do vậy, cần giao con chung Lê Thị L Lam và Lê Thị Bảo An cho chị L trực tiếp nuôi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh CH đề nghị để hai bên tự thỏa thuận giải quyết, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị L và anh CH không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh CH có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 và các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Lê Đức CH.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi 02 con chung tên là Lê Thị L Lam sinh ngày 05 tháng 10 năm 2012 và Lê Thị Bảo An sinh ngày 15 tháng 11 năm 2015 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị L trình bày không có yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Lê Đức CH có trình bày quan điểm để tự hai bên thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Lê Đức CH không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008297 ngày 04 tháng 11 năm 2022

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TN, thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- UBND xã LK, huyện TN, thành phố Hải Phòng  
(Giấy CNKH số 57 ngày 07/7/2014);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Vân**